

**PHỤ LỤC**

**Các hành vi vi phạm và mức tiền phạt dự kiến được quy định trong Nghị quyết HĐND Thành phố**

*(Kèm theo Tờ trình số /TTr-UBND ngày / /2025 của UBND Thành phố)*

STT	HÀNH VI VI PHẠM	MỨC TIỀN PHẠT QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ				MỨC TIỀN PHẠT DỰ KIẾN TRONG NGHỊ QUYẾT				MỨC TĂNG (LẦN)	LÝ DO ĐỀ XUẤT
		Ô TÔ	MÔ TÔ	CÁ NHÂN	TỔ CHỨC	Ô TÔ	MÔ TÔ	CÁ NHÂN	TỔ CHỨC		
1	Chuyển làn đường không đúng nơi cho phép hoặc không có tín hiệu báo trước hoặc chuyển làn đường không đúng quy định “mỗi lần chuyển làn đường chỉ được phép chuyển sang một làn đường liền kề”.	600.000 đến 800.000	200.000 đến 400.000			1.200.000 đến 1.600.000	400.000 đến 800.000			2	Hành vi vi phạm có tính chất phổ biến, diễn ra hằng ngày ảnh hưởng tiêu cực đến thói quen tham gia giao thông của người dân và là nguyên nhân gây tai nạn giao thông
2	Chuyển hướng không quan sát hoặc không bảo đảm khoảng cách an toàn với xe phía sau hoặc không giảm tốc độ hoặc không có tín hiệu báo hướng rẽ hoặc tín hiệu báo hướng rẽ không sử dụng liên tục trong quá trình chuyển hướng (trừ trường hợp điều khiển xe đi theo hướng cong của đoạn đường bộ ở nơi đường không giao nhau cùng mức).	800.000 đến 1.000.000	600.000 đến 800.000			1.600.000 đến 2.000.000	1.200.000 đến 1.600.000			2	
3	Điều khiển xe đi qua dải phân cách cố định ở giữa hai phần đường xe chạy.		600.000 đến 800.000				1.200.000 đến 1.600.000			2	
4	Không tuân thủ các quy định về dừng xe, đỗ xe tại nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt; dừng xe, đỗ xe trong phạm vi bảo vệ công trình đường sắt, phạm vi an toàn của đường sắt.	800.000 đến 1.000.000	400.000 đến 600.000			1.600.000 đến 2.000.000	800.000 đến 1.200.000			2	



5	Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường rộng.	600.000 đến 800.000	400.000 đến 600.000			1.200.000 đến 1.600.000	800.000 đến 1.200.000			2	Hành vi vi phạm có tính chất phổ biến, diễn ra hằng ngày ảnh hưởng tiêu cực đến thói quen tham gia giao thông của người dân và mỹ quan đô thị; là nguyên nhân gây ùn tắc giao thông
6	Dừng xe, đỗ xe trên phần đường xe chạy ở đoạn đường ngoài đô thị nơi có lề đường rộng; dừng xe, đỗ xe không sát mép đường phía bên phải theo chiều đi ở nơi đường có lề đường hẹp hoặc không có lề đường; dừng xe, đỗ xe ngược với chiều lưu thông của làn đường; dừng xe, đỗ xe trên dải phân cách cố định ở giữa hai phần đường xe chạy; đỗ xe trên dốc không chèn bánh.	600.000 đến 800.000				1.200.000 đến 1.600.000				2	
7	Dừng xe không sát theo lề đường, vỉa hè phía bên phải theo chiều đi hoặc bánh xe gần nhất cách lề đường, vỉa hè quá 0,25 mét; dừng xe, đỗ xe không đúng vị trí quy định ở những đoạn có bố trí nơi dừng xe, đỗ xe; dừng xe trên đường dành riêng cho xe buýt; rời vị trí lái, tắt máy khi dừng xe (trừ trường hợp rời khỏi vị trí lái để đóng, mở cửa xe, xếp dỡ hàng hóa, kiểm tra kỹ thuật xe) hoặc rời vị trí lái khi dừng xe nhưng không sử dụng phanh đỗ xe (hoặc thực hiện biện pháp an toàn khác); dừng xe trên miệng cống thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước.	600.000 đến 800.000				1.200.000 đến 1.600.000				2	
8	Dừng xe, đỗ xe trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường;	600.000 đến 800.000	400.000 đến 600.000			1.200.000 đến 1.600.000	800.000 đến 1.200.000			2	
9	Dừng xe nơi có biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”	600.000 đến 800.000	400.000 đến 600.000			1.200.000 đến 1.600.000	800.000 đến 1.200.000			2	
10	Dừng xe, đỗ xe ở lòng đường gây cản trở giao thông; tụ tập từ 03 xe trở lên ở lòng đường, trong hầm đường bộ; đỗ, để xe ở lòng đường, vỉa hè trái phép.		400.000 đến 600.000				800.000 đến 1.200.000			2	
11	Dừng xe, đỗ xe nơi đường bộ giao nhau; điểm đón, trả khách.	800.000 đến 1.000.000	400.000 đến 600.000			1.600.000 đến 2.000.000	800.000 đến 1.200.000			2	



12	Dừng xe, đỗ xe tại vị trí: trong phạm vi 05 mét tính từ mép đường giao nhau; trước cổng hoặc trong phạm vi 05 mét hai bên cổng trụ sở cơ quan, tổ chức có bố trí đường cho xe ra, vào; nơi phần đường có bề rộng chỉ đủ cho một làn xe cơ giới; che khuất biển báo hiệu đường bộ, đèn tín hiệu giao thông; nơi mở dải phân cách giữa; cách xe ô tô đang đỗ ngược chiều dưới 20 mét trên đường phố hẹp, dưới 40 mét trên đường có một làn xe cơ giới trên một chiều đường.	800.000 đến 1.000.000				1.600.000 đến 2.000.000			2	Hành vi vi phạm có tính chất phổ biến, diễn ra hằng ngày ảnh hưởng tiêu cực đến thói quen tham gia giao thông của người dân và mỹ quan đô thị; là nguyên nhân gây ùn tắc giao thông
13	Đỗ xe không sát theo lề đường, vỉa hè phía bên phải theo chiều đi hoặc bánh xe gần nhất cách lề đường, vỉa hè quá 0,25 mét; đỗ xe trên miệng cống thoát nước, miệng hầm của đường điện thoại, điện cao thế, chỗ dành riêng cho xe chữa cháy lấy nước; đỗ xe trên đường dành riêng cho xe buýt; đỗ, để xe ở vỉa hè trái quy định của pháp luật.	800.000 đến 1.000.000				1.600.000 đến 2.000.000			2	
14	Đỗ xe nơi có biển “Cấm đỗ xe” hoặc biển “Cấm dừng xe và đỗ xe”.	800.000 đến 1.000.000	400.000 đến 600.000			1.600.000 đến 2.000.000	800.000 đến 1.200.000		2	
15	Dừng xe, đỗ xe tại vị trí: bên trái đường một chiều hoặc bên trái (theo hướng lưu thông) của đường đôi; trên đoạn đường cong hoặc gần đầu dốc nơi tầm nhìn bị che khuất; trên cầu (trừ trường hợp tổ chức giao thông cho phép), gầm cầu vượt (trừ những nơi cho phép dừng xe, đỗ xe), song song với một xe khác đang dừng, đỗ.	2.000.000 đến 3.000.000				4.000.000 đến 6.000.000			2	
16	Lùi xe ở đường một chiều, đường có biển “Cấm đi ngược chiều”, khu vực cấm dừng, trên phần đường dành cho người đi bộ qua đường, nơi đường bộ giao nhau, nơi đường bộ giao nhau cùng mức với đường sắt, nơi tầm nhìn bị che khuất; lùi xe không quan sát hai bên và phía sau xe hoặc không có tín hiệu lùi xe.	2.000.000 đến 3.000.000				4.000.000 đến 6.000.000			2	
17	Điều khiển xe không đi bên phải theo chiều đi của mình; đi không đúng phần đường hoặc làn đường quy định (làn cùng chiều hoặc làn ngược chiều).	4.000.000 đến 6.000.000	600.000 đến 800.000			8.000.000 đến 12.000.000	1.200.000 đến 1.600.000		2	Hành vi vi phạm là nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông



18	Vượt xe trong những trường hợp không được vượt, vượt xe tại đoạn đường có biển báo hiệu có nội dung cấm vượt (đối với loại phương tiện đang điều khiển); không có tín hiệu trước khi vượt hoặc có tín hiệu vượt xe nhưng không sử dụng trong suốt quá trình vượt xe; vượt bên phải xe khác trong trường hợp không được phép.	4.000.000 đến 6.000.000				8.000.000 đến 12.000.000				2	Hành vi vi phạm là nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông
19	Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định từ 10 km/h đến 20 km/h.	4.000.000 đến 6.000.000	800.000 đến 1.000.000			8.000.000 đến 12.000.000	1.600.000 đến 2.000.000			2	
20	Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h đến 35 km/h.	6.000.000 đến 8.000.000				12.000.000 đến 16.000.000				2	
21	Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 35 km/h.	12.000.000 đến 14.000.000				24.000.000 đến 28.000.000				2	
22	Điều khiển xe chạy quá tốc độ quy định trên 20 km/h.		6.000.000 đến 8.000.000				9.000.000 đến 12.000.000			1,5	
23	Vượt bên phải trong trường hợp không được phép.		600.000 đến 800.000				1.200.000 đến 1.600.000			2	
24	Vượt xe trong những trường hợp không được vượt, vượt xe tại đoạn đường có biển báo hiệu có nội dung cấm vượt đối với loại phương tiện đang điều khiển.		800.000 đến 1.000.000				1.600.000 đến 2.000.000			2	
25	Sử dụng lái xe điều khiển xe khách giường nằm hai tầng, xe ô tô đưa đón trẻ em mầm non, học sinh chưa đủ số năm kinh nghiệm theo quy định.			5.000.000 đến 6.000.000	10.000.000 đến 12.000.000			10.000.000 đến 12.000.000	20.000.000 đến 24.000.000	2	
26	Sử dụng phương tiện kinh doanh vận tải có chất lượng, niên hạn sử dụng không bảo đảm điều kiện của hình thức kinh doanh đã đăng ký.			5.000.000 đến 6.000.000	10.000.000 đến 12.000.000			10.000.000 đến 12.000.000	20.000.000 đến 24.000.000	2	
27	Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn nhưng chưa vượt quá 50 miligam/100 mililit máu hoặc chưa vượt quá 0,25 miligam/1 lít khí thở.	6.000.000 đến 8.000.000	2.000.000 đến 3.000.000			9.000.000 đến 12.000.000	3.000.000 đến 4.500.000			1,5	



28	Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 50 miligam đến 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,25 miligam đến 0,4 miligam/1 lít khí thở.	18.000.000 đến 20.000.000	6.000.000 đến 8.000.000			27.000.000 đến 30.000.000	9.000.000 đến 12.000.000			1,5	Hành vi vi phạm là nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông
29	Điều khiển xe trên đường mà trong máu hoặc hơi thở có nồng độ cồn vượt quá 80 miligam/100 mililit máu hoặc vượt quá 0,4 miligam/1 lít khí thở	30.000.000 đến 40.000.000	8.000.000 đến 10.000.000			45.000.000 đến 60.000.000	12.000.000 đến 15.000.000			1,5	
30	Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về nồng độ cồn của người thi hành công vụ.	30.000.000 đến 40.000.000	8.000.000 đến 10.000.000			45.000.000 đến 60.000.000	12.000.000 đến 15.000.000			1,5	
31	Điều khiển xe trên đường mà trong cơ thể có chất ma túy hoặc chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng	30.000.000 đến 40.000.000	8.000.000 đến 10.000.000			45.000.000 đến 60.000.000	12.000.000 đến 15.000.000			1,5	
32	Không chấp hành yêu cầu kiểm tra về chất ma túy hoặc chất kích thích khác mà pháp luật cấm sử dụng của người thi hành công vụ.	30.000.000 đến 40.000.000	8.000.000 đến 10.000.000			45.000.000 đến 60.000.000	12.000.000 đến 15.000.000			1,5	
33	Không chấp hành hiệu lệnh, chỉ dẫn của biển báo hiệu, vạch kẻ đường.	400.000 đến 600.000	200.000 đến 400.000			800.000 đến 1.200.000	400.000 đến 800.000			2	Hành vi vi phạm có tính chất phổ biến, diễn ra hàng ngày ảnh hưởng tiêu cực đến thói quen tham gia giao thông của người dân
34	Đi vào khu vực cấm, đường có biển báo hiệu có nội dung cấm đi vào đối với loại phương tiện đang điều khiển.	4.000.000 đến 6.000.000	2.000.000 đến 3.000.000			6.000.000 đến 9.000.000	3.000.000 đến 4.5000.000			1,5	
35	Không nhường đường hoặc gây cản trở xe được quyền ưu tiên đang phát tín hiệu ưu tiên đi làm nhiệm vụ.	6.000.000 đến 8.000.000				12.000.000 đến 16.000.000				2	
36	Chở theo 02 người trên xe, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 12 tuổi, người già yếu hoặc người khuyết tật, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật.		400.000 đến 600.000				800.000 đến 1.200.000			2	
37	Không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi điều khiển xe tham gia giao thông trên đường bộ.		400.000 đến 600.000				800.000 đến 1.200.000			2	



38	Chở người ngồi trên xe không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách, trừ trường hợp chở người bệnh đi cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, áp giải người có hành vi vi phạm pháp luật.		400.000 đến 600.000				800.000 đến 1.200.000			2	Hành vi vi phạm có tính chất phổ biến, diễn ra hằng ngày ảnh hưởng tiêu cực đến thói quen tham gia giao thông của người dân
39	Điều khiển xe rẽ trái tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ trái đối với loại phương tiện đang điều khiển; điều khiển xe rẽ phải tại nơi có biển báo hiệu có nội dung cấm rẽ phải đối với loại phương tiện đang điều khiển.		600.000 đến 800.000				1.200.000 đến 1.600.000			2	
40	Chở theo từ 03 người trở lên trên xe.		600.000 đến 800.000				1.200.000 đến 1.600.000			2	
41	Dừng xe, đỗ xe trên cầu.		600.000 đến 800.000				1.200.000 đến 1.600.000			2	
42	Người đang điều khiển xe hoặc chở người ngồi trên xe bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt vật nuôi, mang vác vật cồng kềnh; chở người đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái.		600.000 đến 800.000				1.200.000 đến 1.600.000			2	
43	Điều khiển xe kéo theo xe khác, vật khác.		600.000 đến 800.000				1.200.000 đến 1.600.000			2	
44	Chở hành lý, hàng hóa vượt quá khổ giới hạn cho phép của xe.		400.000 đến 600.000				800.000 đến 1.200.000			2	
45	Người được chở trên xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, các loại xe tương tự xe gắn máy, xe đạp máy bám, kéo, đẩy xe khác, vật khác, dẫn dắt vật nuôi, mang vác vật cồng kềnh, đứng trên yên, giá đèo hàng hoặc ngồi trên tay lái.			400.000 đến 600.000			800.000 đến 1.200.000			2	Hành vi vi phạm có tính chất phổ biến, diễn ra hằng ngày ảnh hưởng tiêu cực đến thói quen tham gia giao thông của người dân và mỹ quan đô thị



46	Người được chở trên xe mô tô, xe gắn máy, các loại xe tương tự xe mô tô, các loại xe tương tự xe gắn máy, xe đạp máy không đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” hoặc đội “mũ bảo hiểm cho người đi mô tô, xe máy” không cài quai đúng quy cách khi tham gia giao thông trên đường bộ.			400.000 đến 600.000			800.000 đến 1.200.000			2	Hành vi vi phạm có tính chất phổ biến, diễn ra hàng ngày ảnh hưởng tiêu cực đến thói quen tham gia giao thông của người dân và mỹ quan đô thị
47	Đề người lên, xuống xe khi xe đang chạy.	1.000.000 đến 2.000.000				2.000.000 đến 4.000.000			2		
48	Đón, trả hành khách không đúng nơi quy định trên những tuyến đường đã xác định nơi đón, trả khách hoặc dừng đón, trả hành khách quá thời gian quy định.	1.000.000 đến 2.000.000				2.000.000 đến 4.000.000			2		
49	Đón, trả hành khách tại nơi cấm dừng, cấm đỗ, nơi đường cong tầm nhìn bị che khuất.	1.000.000 đến 2.000.000				2.000.000 đến 4.000.000			2		
50	Đón, trả hành khách không đúng địa điểm đón, trả hành khách được ghi trong hợp đồng.	1.000.000 đến 2.000.000				2.000.000 đến 4.000.000			2		
51	Điều khiển xe lạng lách, đánh võng trên đường bộ; sử dụng chân chống hoặc vật khác quẹt xuống đường khi xe đang chạy.		8.000.000 đến 10.000.000				12.000.000 đến 15.000.000			1,5	Hành vi vi phạm gây ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng
52	Sử dụng còi, rú ga (net pô) liên tục trong khu đông dân cư, khu vực cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.		8.000.000 đến 10.000.000				12.000.000 đến 15.000.000			1,5	
53	Chờ đất đá, phế thải, hàng rời mà không có mui, bạt che đậy hoặc có mui, bạt che đậy nhưng vẫn để rơi vãi; làm rơi vãi hàng hóa trên đường bộ; chờ hàng hoặc chất thải để nước chảy xuống mặt đường gây mất an toàn giao thông.	2.000.000 đến 4.000.000				4.000.000 đến 8.000.000				2	Hành vi vi phạm là nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông, ảnh hưởng tiêu cực đến mỹ quan đô thị
54	Lôi kéo bùn, đất, cát, nguyên liệu, vật liệu hoặc chất phế thải khác ra đường bộ gây mất an toàn giao thông.	2.000.000 đến 4.000.000				4.000.000 đến 8.000.000				2	



55	Điều khiển xe đổ trái phép rác, đất, cát, đá, vật liệu, chất phế thải trong phạm vi đất dành cho đường bộ ở đoạn đường ngoài đô thị.	4.000.000 đến 6.000.000				8.000.000 đến 12.000.000				2	Hành vi vi phạm ảnh hưởng tiêu cực đến mỹ quan đô thị
56	Điều khiển xe thực hiện hành vi đổ trái phép rác, đất, cát, đá, vật liệu, chất phế thải ra đường phố.	10.000.000 đến 15.000.000				20.000.000 đến 30.000.000				2	
57	Điều khiển xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng vượt trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 30% đến 50%.	3.000.000 đến 5.000.000				6.000.000 đến 10.000.000				2	
58	Điều khiển xe kéo theo rơ moóc, sơ mi rơ moóc mà khối lượng toàn bộ (bao gồm khối lượng bản thân rơ moóc, sơ mi rơ moóc và khối lượng hàng chuyên chở) của rơ moóc, sơ mi rơ moóc vượt khối lượng cho phép kéo theo được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 30% đến 50%.	3.000.000 đến 5.000.000				6.000.000 đến 10.000.000				2	Hành vi vi phạm gây ảnh hưởng xấu đến kết cấu hạ tầng giao thông
59	Điều khiển xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng vượt trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 50% đến 100%.	5.000.000 đến 7.000.000				10.000.000 đến 14.000.000				2	
60	Điều khiển xe kéo theo rơ moóc, sơ mi rơ moóc mà khối lượng toàn bộ (bao gồm khối lượng bản thân rơ moóc, sơ mi rơ moóc và khối lượng hàng chuyên chở) của rơ moóc, sơ mi rơ moóc vượt khối lượng cho phép kéo theo được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 50% đến 100%.	5.000.000 đến 7.000.000				10.000.000 đến 14.000.000				2	



61	Điều khiển xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng vượt trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 100% đến 150%.	7.000.000 đến 8.000.000				14.000.000 đến 16.000.000				2	Hành vi vi phạm gây ảnh hưởng xấu đến kết cấu hạ tầng giao thông
62	Điều khiển xe kéo theo rơ moóc, sơ mi rơ moóc mà khối lượng toàn bộ (bao gồm khối lượng bản thân rơ moóc, sơ mi rơ moóc và khối lượng hàng chuyên chở) của rơ moóc, sơ mi rơ moóc vượt khối lượng cho phép kéo theo được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 100% đến 150%.	7.000.000 đến 8.000.000				14.000.000 đến 16.000.000				2	
63	Điều khiển xe (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) chở hàng vượt trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 150%.	8.000.000 đến 12.000.000				16.000.000 đến 24.000.000				2	
64	Điều khiển xe kéo theo rơ moóc, sơ mi rơ moóc mà khối lượng toàn bộ (bao gồm khối lượng bản thân rơ moóc, sơ mi rơ moóc và khối lượng hàng chuyên chở) của rơ moóc, sơ mi rơ moóc vượt khối lượng cho phép kéo theo được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 150%.	8.000.000 đến 12.000.000				16.000.000 đến 24.000.000				2	
65	Xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 50% đến 100%.			2.000.000 đến 3.000.000	4.000.000 đến 6.000.000			4.000.000 đến 6.000.000	8.000.000 đến 12.000.000	2	



66	Xếp hàng hóa lên mỗi xe ô tô (kể cả rơ moóc và sơ mi rơ moóc) vượt quá trọng tải (khối lượng hàng chuyên chở) cho phép tham gia giao thông được ghi trong giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của xe trên 100%.			4.000.000 đến 5.000.000	8.000.000 đến 10.000.000			8.000.000 đến 10.600.000	16.000.000 đến 20.000.000	2	Hành vi vi phạm gây ảnh hưởng xấu đến kết cấu hạ tầng giao thông
67	Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm d khoản 5 Điều 21 của Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm d khoản 5 Điều 21 của Nghị định số 168/2024/NĐ-CP.			10.000.000 đến 12.000.000	20.000.000 đến 24.000.000			20.000.000 đến 24.000.000	40.000.000 đến 48.000.000	2	
68	Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 6 Điều 21 của Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a, điểm b khoản 6 Điều 21 của Nghị định số 168/2024/NĐ-CP.			20.000.000 đến 26.000.000	40.000.000 đến 52.000.000			40.000.000 đến 52.000.000	80.000.000 đến 104.000.000	2	
69	Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 34 của Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 3 Điều 34 của Nghị định số 168/2024/NĐ-CP.			20.000.000 đến 26.000.000	40.000.000 đến 52.000.000			40.000.000 đến 52.000.000	80.000.000 đến 104.000.000	2	
70	Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 của Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm a khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 168/2024/NĐ-CP.			28.000.000 đến 30.000.000	56.000.000 đến 60.000.000			56.000.000 đến 60.000.000	112.000.000 đến 120.000.000	2	



71	Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều 34 của Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm b khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 168/2024/NĐ-CP.			28.000.000 đến 30.000.000	56.000.000 đến 60.000.000			56.000.000 đến 60.000.000	112.000.000 đến 120.000.000	2	Hành vi vi phạm gây ảnh hưởng xấu đến kết cấu hạ tầng giao thông
72	Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều 34 của Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại điểm c khoản 4 Điều 34 của Nghị định số 168/2024/NĐ-CP.			28.000.000 đến 30.000.000	56.000.000 đến 60.000.000			56.000.000 đến 60.000.000	112.000.000 đến 120.000.000	2	
73	Giao phương tiện hoặc để cho người làm công, người đại diện điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều 21 của Nghị định này hoặc trực tiếp điều khiển phương tiện thực hiện hành vi vi phạm quy định tại khoản 7 Điều 21 của Nghị định số 168/2024/NĐ-CP.			30.000.000 đến 40.000.000	60.000.000 đến 80.000.000			45.000.000 đến 60.000.000	90.000.000 đến 120.000.000	1,5	
74	Chở hàng vượt khổ giới hạn của xe hoặc của đường bộ ghi trong giấy phép lưu hành.	8.000.000 đến 10.000.000					16.000.000 đến 20.000.000			2	
75	Điều khiển xe bánh xích tham gia giao thông không có giấy phép lưu hành hoặc có giấy phép lưu hành nhưng không còn giá trị sử dụng theo quy định hoặc lưu thông trực tiếp trên đường mà không thực hiện biện pháp bảo vệ đường theo quy định.	8.000.000 đến 10.000.000					16.000.000 đến 20.000.000			2	
76	Điều khiển xe có kích thước bao ngoài vượt quá khổ giới hạn của đường bộ hoặc chở hàng vượt quá khổ giới hạn của đường bộ hoặc chở hàng vượt quá kích thước giới hạn xếp hàng hóa của xe tham gia giao thông, trừ trường hợp có giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng.	8.000.000 đến 10.000.000					16.000.000 đến 20.000.000			2	



77	Điều khiển xe mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe hoặc tải trọng trục xe (bao gồm cả hàng hóa xếp trên xe, người được chở trên xe) vượt quá tải trọng cho phép của đường bộ trên 20% đến 50%, trừ trường hợp có giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng.	13.000.000 đến 15.000.000				26.000.000 đến 30.000.000				2	Hành vi vi phạm gây ảnh hưởng xấu đến kết cấu hạ tầng giao thông
78	Điều khiển xe có giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe hoặc tải trọng trục xe (bao gồm cả hàng hóa xếp trên xe nếu có) vượt quá quy định trong giấy phép lưu hành.	13.000.000 đến 15.000.000				26.000.000 đến 30.000.000				2	
79	Điều khiển xe có giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng nhưng đi không đúng tuyến đường quy định trong giấy phép lưu hành.	13.000.000 đến 15.000.000				26.000.000 đến 30.000.000				2	
80	Điều khiển xe mà tổng trọng lượng (khối lượng toàn bộ) của xe hoặc tải trọng trục xe (bao gồm cả hàng hóa xếp trên xe, người được chở trên xe) vượt quá tải trọng cho phép của đường bộ trên 50%, trừ trường hợp có giấy phép lưu hành còn giá trị sử dụng.	40.000.000 đến 50.000.000				60.000.000 đến 75.000.000				1,5	
81	Không chấp hành việc kiểm tra tải trọng, khổ giới hạn xe khi có tín hiệu, hiệu lệnh yêu cầu kiểm tra tải trọng, khổ giới hạn xe; chuyển tải hoặc dùng các thủ đoạn khác để trốn tránh việc phát hiện xe chở quá tải, quá khổ.	40.000.000 đến 50.000.000				60.000.000 đến 75.000.000				1,5	
82	Cơ sở đào tạo lái xe không bố trí giáo viên dạy thực hành ngồi bên cạnh để bảo trợ tay lái cho học viên thực hành lái xe; bố trí giáo viên không đủ tiêu chuẩn để giảng dạy.				5.000.000 đến 10.000.000				10.000.000 đến 20.000.000	2	Hành vi vi phạm là nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông
83	Cơ sở đào tạo lái xe sử dụng xe tập lái không trang bị thêm bộ phận hãm phụ hoặc có nhưng không có tác dụng.				5.000.000 đến 10.000.000				10.000.000 đến 20.000.000	2	
84	Không tuân thủ đúng quy định tại các quy trình, quy chuẩn kỹ thuật có liên quan trong chứng nhận, kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng, phụ tùng xe cơ giới.				8.000.000 đến 10.000.000				16.000.000 đến 20.000.000	2	



85	Thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ không thực hiện theo đúng các quy định trong Giấy phép thi công hoặc trong văn bản thỏa thuận thi công của cơ quan có thẩm quyền.			1.000.000 đến 3.000.000	2.000.000 đến 6.000.000			2.000.000 đến 6.000.000	4.000.000 đến 12.000.000	2	Hành vi vi phạm là nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông
86	Không bố trí người hướng dẫn, điều khiển giao thông khi thi công ở chỗ đường hẹp hoặc ở hai đầu cầu, cống, đường ngầm đang thi công theo đúng quy định.			1.000.000 đến 3.000.000	2.000.000 đến 6.000.000			2.000.000 đến 6.000.000	4.000.000 đến 12.000.000	2	
87	Đề vật liệu, đất đá, phương tiện thi công ngoài phạm vi thi công gây cản trở giao thông.			1.000.000 đến 3.000.000	2.000.000 đến 6.000.000			2.000.000 đến 6.000.000	4.000.000 đến 12.000.000	2	
88	Không thu dọn ngay các biển báo hiệu, rào chắn, phương tiện, vật dụng thi công, các vật liệu khác hoặc không hoàn trả phần đường (gồm lòng đường, lề đường, hè phố), phần đất dọc hai bên đường bộ dùng để quản lý, bảo trì, bảo vệ công trình đường bộ, hành lang an toàn đường bộ theo nguyên trạng khi thi công xong.			1.000.000 đến 3.000.000	2.000.000 đến 6.000.000			2.000.000 đến 6.000.000	4.000.000 đến 12.000.000	2	
89	Thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ có Giấy phép thi công nhưng đã hết thời hạn ghi trong Giấy phép hoặc có văn bản thỏa thuận thi công của cơ quan có thẩm quyền nhưng đã hết thời hạn thi công ghi trong văn bản.			3.000.000 đến 5.000.000	6.000.000 đến 10.000.000			6.000.000 đến 10.000.000	12.000.000 đến 20.000.000	2	
90	Thi công trên đường bộ đang khai thác không có biện pháp bảo đảm an toàn giao thông thông suốt để xảy ra ùn tắc giao thông nghiêm trọng.			3.000.000 đến 5.000.000	6.000.000 đến 10.000.000			6.000.000 đến 10.000.000	12.000.000 đến 20.000.000	2	
91	Thi công trên đường bộ đang khai thác có bố trí biển báo hiệu, cọc tiêu di động, rào chắn nhưng không đầy đủ theo quy định; không đặt đèn đỏ vào ban đêm tại hai đầu đoạn đường thi công.			5.000.000 đến 7.000.000	10.000.000 đến 14.000.000			10.000.000 đến 14.000.000	20.000.000 đến 28.000.000	2	



92	Thi công công trình trong phạm vi đất dành cho đường bộ không có Giấy phép thi công hoặc không có văn bản thỏa thuận thi công của cơ quan có thẩm quyền theo quy định.			5.000.000 đến 7.000.000	10.000.000 đến 14.000.000			10.000.000 đến 14.000.000	20.000.000 đến 28.000.000	2	Hành vi vi phạm là nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông và ùn tắc giao thông; ảnh hưởng xấu đến kết cấu hạ tầng giao thông
93	Khoan, đào, xẻ đường, hè phố trái phép.			5.000.000 đến 7.000.000	10.000.000 đến 14.000.000			10.000.000 đến 14.000.000	20.000.000 đến 28.000.000	2	
94	Phá dỡ trái phép dải phân cách, gương cầu, các công trình, thiết bị an toàn giao thông trên đường bộ, cầu kiện, phụ kiện của công trình đường bộ.			5.000.000 đến 7.000.000	10.000.000 đến 14.000.000			10.000.000 đến 14.000.000	20.000.000 đến 28.000.000	2	
95	Tự ý tháo, mở làm hư hỏng nắp cống, nắp ga các công trình ngầm, hệ thống tuy nèn trên đường giao thông.			5.000.000 đến 7.000.000	10.000.000 đến 14.000.000			10.000.000 đến 14.000.000	20.000.000 đến 28.000.000	2	
96	Nổ mìn hoặc khai thác đất, cát, đá, sỏi, khoáng sản khác trái phép làm ảnh hưởng đến công trình đường bộ.			5.000.000 đến 7.000.000	10.000.000 đến 14.000.000			10.000.000 đến 14.000.000	20.000.000 đến 28.000.000	2	
97	Rải, đổ hóa chất gây hư hỏng công trình đường bộ.			5.000.000 đến 7.000.000	10.000.000 đến 14.000.000			10.000.000 đến 14.000.000	20.000.000 đến 28.000.000	2	
98	Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng, kinh doanh vận tải khách du lịch không thực hiện đúng quy định về đón, trả khách tại trụ sở chính, trụ sở chi nhánh, văn phòng đại diện hoặc tại một địa điểm cố định khác do đơn vị kinh doanh vận tải thuê, hợp tác kinh doanh.			3.000.000 đến 4.000.000	6.000.000 đến 8.000.000			6.000.000 đến 8.000.000	12.000.000 đến 16.000.000	2	
99	Tổ chức hoạt động khai thác bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ khi chưa được cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định.			5.000.000 đến 6.000.000	10.000.000 đến 12.000.000			10.000.000 đến 12.000.000	20.000.000 đến 24.000.000	2	
100	Thành lập điểm giao dịch đón, trả khách trái phép (bến dù, bến cóc).			10.000.000 đến 12.000.000	20.000.000 đến 24.000.000			20.000.000 đến 24.000.000	40.000.000 đến 48.000.000	2	



101	Bán hàng rong hoặc bán hàng hóa nhỏ lẻ khác trên lòng đường, trên vỉa hè các tuyến phố có quy định cấm bán hàng.			200.000 đến 250.000				400.000 đến 500.000		2	Hành vi vi phạm ảnh hưởng tiêu cực đến mỹ quan đô thị, là nguyên nhân dẫn đến tai nạn giao thông
102	Phơi thóc, lúa, rơm, rạ, nông, lâm, hải sản trên đường bộ; đặt máy tuốt lúa trên đường bộ.			200.000 đến 250.000				400.000 đến 500.000		2	
103	Chiếm dụng dải phân cách giữa của đường đôi làm nơi: bày, bán hàng hóa; để vật liệu xây dựng; làm nơi để xe, trông, giữ xe.			500.000 đến 1.000.000	1.000.000 đến 2.000.000			1.000.000 đến 2.000.000	2.000.000 đến 4.000.000	2	
104	Sử dụng trái phép lòng đường, vỉa hè để: họp chợ; kinh doanh dịch vụ ăn uống; bày, bán hàng hóa; sửa chữa phương tiện, máy móc, thiết bị; rửa xe; đặt, treo biển hiệu, biển quảng cáo.			2.000.000 đến 3.000.000	4.000.000 đến 6.000.000			4.000.000 đến 6.000.000	8.000.000 đến 12.000.000	2	
105	Bày, bán máy móc, thiết bị, vật tư hoặc sản xuất, gia công hàng hóa trên lòng đường, vỉa hè.			3.000.000 đến 5.000.000	6.000.000 đến 10.000.000			6.000.000 đến 10.000.000	12.000.000 đến 20.000.000	2	
106	Đặt, để chướng ngại vật, vật cản khác trái phép trên đường bộ; đổ chất gây trơn trượt trên đường bộ; đổ, xả thải, làm rơi vãi hóa chất, chất thải gây mất an toàn giao thông đường bộ.			6.000.000 đến 8.000.000				12.000.000 đến 16.000.000		2	
107	Sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác (theo quy định phải có giấy phép) mà không có giấy phép hoặc có giấy phép nhưng đã hết giá trị sử dụng hoặc thực hiện không đúng nội dung ghi trong giấy phép.			10.000.000 đến 15.000.000	20.000.000 đến 30.000.000			15.000.000 đến 22.500.000	30.000.000 đến 45.000.000	1,5	